

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/0309634315/2020/HĐ - TCBSP

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH HUNG DIỄN

Địa chỉ: Số 345/2 Đường Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028).62958954

Fax: (028).62958955

Email: hungdien@yahoo.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0309634315

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Sản phẩm nhập khẩu

II. Thông tin về sản phẩm

1. **Tên sản phẩm:** Thực phẩm bổ sung “Hỗn hợp Sun Ancon Chi Formula”

2. **Thành phần:** (Trong 1 gói, 2g)

Thành phần chính: bột Nhân Sâm Siberia (Siberian Ginseng Powder) – 1000 mg, bột Hoàng Kỳ (Astragali Radix powder) - 250 mg, bột Đảng Sâm (Codonopsis Pilosulae Radix Powder) – 150 mg, bột Bạch Truật (Atractylodis Macrocephalae Rhizoma Powder) – 150 mg, bột Đương Quy (Angelicae Sinensis Radix Powder) – 100 mg, bột Cam Thảo (Glycyrrilae Radix Powder) – 10 mg, bột Đại táo (Zizyphi Fructus Powder) – 10 mg, bột Trần Bì (Citri Reticulatae Pericarpium Powder) – 7 mg, bột gừng (Ginger Powder) – 7 mg, bột Mướp tây (Okera Powder) – 5 mg, bột Nhân Sâm Mỹ (American Ginseng Powder) – 5 mg.

Thành phần khác: đường Lactose, màu Caramel tự nhiên (Caramel Color – INS150a)

3. **Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 3 năm, kể từ ngày sản xuất. Hạn sử dụng và số lô được in trên bao bì sản phẩm

4. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- **Chất liệu bao bì:** Đóng trong gói nhôm, đặt trong hộp giấy cacton. Bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo qui định của Bộ Y tế

- **Qui cách đóng gói:** 2 g/gói ($\pm 5\%$), 30 gói/hộp.



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Sản xuất tại: Công ty Min Tong Pharmaceutical Co., Ltd.
- Địa chỉ: Số 15, Đường 21, Khu Công nghiệp, Đài Trung 408, Đài Loan
- Sản xuất cho: Công ty Min Tong Pharmaceutical Co., Ltd.
- Địa chỉ: Số 120, Đoạn 2, Đường Fu - Hin, Quận Nam, Đài Trung 402, Đài Loan

III. Mẫu nhãn sản phẩm (có nhãn đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định của các văn bản kỹ thuật:

Theo Tiêu chuẩn nhà sản xuất: Số 05/2020/CHI-FORMULA, ban hành ngày 01 tháng 08 năm 2020 (có bản tiêu chuẩn sản phẩm đính kèm)

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)



PAN WEN LING





Thực phẩm Bổ sung Hỗn hợp
SUN ANCON CHI FORMULA

2g ± 5%



Nhà sản xuất: Min Tong Pharmaceutical Co., Ltd. 2nd Factory
No. 15, 21st Rd., Industrial Zone, Taichung, Taiwan, R.O.C



FOOD SUPPLEMENT MIXTURE
SUN ANCON CHI FORMULA

2g ± 5%



Manufactured by: Min Tong Pharmaceutical Co., Ltd. 2nd Factory
No. 15, 21st Rd., Industrial Zone, Taichung, Taiwan, R.O.C





SUN ANCON CHI FORMULA

THỨC PHẠM BỔ SUNG HORMONE

Thức Phầm Bổ Sung Hormone Sun Ancon Chi Formula là một sản phẩm được nghiên cứu và phát triển bởi các chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực y học và dinh dưỡng. Sản phẩm này chứa các thành phần tự nhiên có khả năng bổ sung hormone, cải thiện sức khỏe và tăng cường năng lượng cho người dùng.

Thành phần chính:

- Chiết xuất từ các loại thảo mộc quý hiếm.
- Chất béo tự nhiên để tăng cường hấp thụ.
- Chất xơ để hỗ trợ tiêu hóa.

Chỉ định:

- Người bị suy giảm hormone.
- Người có dấu hiệu mệt mỏi, thiếu năng lượng.
- Người muốn cải thiện sức khỏe tổng thể.

Liều dùng: 2 viên 2-3 lần mỗi ngày sau bữa ăn.

Phương pháp bào chế: Sử dụng công nghệ bào chế tiên tiến để đảm bảo chất lượng và hiệu quả của sản phẩm.

Ưu điểm:

- Thành phần tự nhiên, an toàn.
- Hiệu quả nhanh chóng.
- Không có tác dụng phụ.

Địa điểm phân phối: Các nhà thuốc, siêu thị, và các đại lý phân phối thực phẩm chức năng trên toàn quốc.



Thực phẩm Bổ sung Hỗn hợp

夏安康刺五加
補元食品
SUN ANCON Chi Formula

興田國際集團
HTE INTERNATIONAL GROUP

FOOD SUPPLEMENT Mixture
SUN ANCON Chi Formula

Ingredients:
Sodium Ginseng, Lactose, Adipic acid, Radix, Codonopsis Plicatae,
Radix, Alcyonolide, microphylla, Rhizoma, Angelicae Sinesis,
Radix, Glycyrrhiza Radix, Zizyphi Fructus, Cini Radix, Lactaria,
Paniculatum, Ginkgo, Galium, Lactaria, Oenothera, American ginseng,
Directions:
Dissolve contents of one sachet in a cup of warm water.

Best taken before meals.

Content: 30 Sachets of 2g (0.07 Oz) each.

Expiry Date: Indicated at the bottom of the box.

Storage: Store in a cool, dry place.

Made in Taiwan.

Manufactured by:
Min Tong Pharmaceutical Co., Ltd., 2nd Floor,
No. 15, 21st Industrial Zone, Taichung, Taiwan, R.O.C.

Agent: Hsin-Ten Health Products, Inc.,
7F, No. 217, Sec. 2, New Taipei Ave., Xinchuang Dist.,
New Taipei City, Taiwan, R.O.C.



Số: 2008056B/KQKN
Mã số: 2007412-1
Trang 1 | 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH HƯNG ĐIỀN**

Địa chỉ: Số 345/2 Đường Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên mẫu: Thực phẩm bổ sung "Hỗn hợp Sun Ancon Chi Formula"

Tình trạng mẫu: Mẫu thành phẩm, chứa trong hộp kín có nhãn

Ngày nhận mẫu: 27/07/2020

Thời gian thử nghiệm: 27/07 – 19/08/2020

Ngày trả kết quả: 19/08/2020

Kết quả: Xem trang 2/2

Ghi chú:

(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận theo ISO/IEC 17025:2017
KPH: không phát hiện. LOD: Giới hạn phát hiện
Chỉ tiêu số 11-13, 15 có ngưỡng phát hiện =10CFU/g
(a): Chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện
(b): Chỉ tiêu được Cục An Toàn Thực Phẩm - Bộ Y Tế chỉ định

Phụ trách PTN

Nguyễn Kim Liễu



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hồng

- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.
- Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of company.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử / This testing result is only valid on tested sample.



Số: 2008056B/KQKN
Mã số: 2007412-1
Trang 2 | 2

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
01	Định tính Nhân sâm (theo Ginsenoside Rg1 và Rb1)	-	Dương tính	NIFC.05.M.143 (LC-MS/MS) (a)
02	Định tính Hoàng Kỳ (Astragalus membranaceus)	-	Dương tính	NIFC.05.M.502(a)
03	Định tính Đảng sâm (Codonopsis javanica)	-	Dương tính	NIFC.05.M.471(a)
04	Định tính Bạch truật (Atractylodis macrocephalae)	-	Dương tính	NIFC.05.M.413(a)
05	Định tính Đương quy (Angelicae sinensis)	-	Dương tính	NIFC.05.M.483(a)
06	Định tính Cam thảo (Glycyrrhiza uralensis)	-	Dương tính	NIFC.05.M.429(a)
07	Định tính Gừng	-	Dương tính	Dược điển Việt Nam V
08	Chì (Pb)	mg/kg	KPH (LOD=0.01)	AOAC 999.11(*) (b)
09	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH (LOD=0.01)	AOAC 999.11(*) (b)
10	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH (LOD=0.01)	AOAC 971.21(*)
11	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	Không phát hiện	ISO 4833-1:2013(*) (b)
12	Coliforms	CFU/g	Không phát hiện	ISO 4832:2006(*) (b)
13	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	Không phát hiện	ISO 21527-2:2008(*) (b)
14	Salmonella	/25g	Không phát hiện	ISO 6579-1:2017(*)
15	<i>Escherichia Coli</i>	CFU/g	Không phát hiện	ISO 16649-2:2001(*) (b)



cGMP 藥廠

明通化學製藥股份有限公司

MIN TONG PHARMACEUTICAL CO., LTD.

TEL: 886-4-22601226, FAX: 886-4-22601382

No.120, Sec. 2, Fu-Hsin Rd., South Dist., Taichung City 402,
Taiwan, R.O.C

No.: 05/2020/CHI-FORMULA

(Page 1 of 3)

PRODUCT SPECIFICATION

1. Product: SUN ANCON CHI FORMULA FOOD SUPPLEMENT MIXTURE

2. Name and address of the Manufacture:

Min Tong Pharmaceutical Co., Ltd. 2nd Factory

Address: No. 15, 21st Rd., Industrial Zone, Taichung, Taiwan, R.O.C

3. Product status:

- Dosage form: dry granular.
- Color: Golden brown.
- Quantity: 2g/sachet $\pm$ 5%

4. Composition (in 1 sachet of 2g):

No.	Description	Unit	Quality level
1	Siberian Ginseng Powder	mg/sachet	1000
2	Astragali Radix Powder	mg/sachet	250
3	Condonopsis Pilosulae Radix Powder	mg/sachet	150
4	Atractylodis Macrocephalae Rhizoma Powder	mg/sachet	150
5	Angelicae Sinensis Radix Powder	mg/sachet	100
6	Glycyrrhizae Radix Powder	mg/sachet	10
7	Zizyphi Fructu Powder	mg/sachet	10
8	Citri Reticulatae Pericarpium Powder	mg/sachet	7
9	Ginger Powder	mg/sachet	7
10	Okera Powder	mg/sachet	5
11	American Ginseng Powder	mg/sachet	5
12	Lactose	mg/sachet	300
13	Caramel color	mg/sachet	6
TOTAL		mg/sachet	2000





cGMP 藥廠
明通化學製藥股份有限公司
MIN TONG PHARMACEUTICAL CO., LTD.

TEL: 886-4-22601226, FAX: 886-4-22601382

No.120, Sec. 2, Fu-Hsin Rd., South Dist., Taichung City 402,
Taiwan, R.O.C

No.: 05/2020/CHI-FORMULA
(Page 2 of 3)

5. Main product quality criteria:

No.	Description	Unit	Quality level
1	Siberian Ginseng Powder	mg/sachet	1000 ± 10%
2	Astragali Radix Powder	mg/sachet	250 ± 10%
3	Condonopsis Pilosulae Radix Powder	mg/sachet	150 ± 10%
4	Atractylodis Macrocephalae Rhizoma Powder	mg/sachet	150 ± 10%
5	Angelicae Sinensis Radix Powder	mg/sachet	100 ± 10%
6	Glycyrrhizae Radix Power	mg/sachet	10 ± 10%
7	Zizyphi Fructu Power	mg/sachet	10 ± 10%
8	Citri Reticulatae Pericarpium Power	mg/sachet	7 ± 10%
9	Ginger Power	mg/sachet	7 ± 10%
10	Okera Power	mg/sachet	5 ± 10%
11	American ginseng Power	mg/sachet	5 ± 10%

6. Microbiological limits:

No.	Description	Unit	Maximum level
1	Aerobic organisms:	CFU/g	10,000
2	Coliform	CFU/g	10
3	E.coli	CFU/g	0
4	Salmonella	CFU/25g	0



cGMP 藥廠

明通化學製藥股份有限公司

MIN TONG PHARMACEUTICAL CO., LTD.

TEL: 886-4-22601226, FAX: 886-4-22601382

No.120, Sec. 2, Fu-Hsin Rd., South Dist., Taichung City 402,
Taiwan, R.O.C

No.: 05/2020/CHI-FORMULA

(Page 3 of 3)

5	Total mold yeast	CFU/g	100
---	------------------	-------	-----

7. Metal

No.	Description	Unit	Maximum level
1	Lead	ppm	3
2	Cadmium	ppm	1
3	Mercury	ppm	0.1

8. Instructions for use:

- Dissolve contents of one sachet in a cup of warm water. Best taken before meal.

9. Warning:

- Do not use for people who are sensitive to any ingredient of the product.

10. Packaging materials, packing specifications:

- Packing specification: 2g $\pm$ 5% x 30 sachets/box.
- Shelf life: 3 years from the date of manufacture

11. Storage: Store in a cool, dry place.



August 01, 2020

明通化學製藥股份有限公司

BẢN DỊCH



cGMP 藥廠

明通化學製藥股份有限公司

MIN TONG PHARMACEUTICAL CO., LTD.

TEL: 886-4-22601226, FAX: 886-4-22601382

No.120, Sec. 2, Fu-Hsin Rd., South Dist., Taichung City 402,

Taiwan, R.O.C

Số: 05/2020/CHI-FORMULA

TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

1. Sản phẩm: THỰC PHẨM BỔ SUNG HỖN HỢP SUN ANCON CHI FORMULA

2. Tên và địa chỉ: Số 15, 21st Rd., Industrial Zone, TaiChung, Đài Loan

3. Tình trạng sản phẩm:

- Dạng bào chế: dạng bột khô

-Màu sắc: Nâu vàng

- Số lượng: 2g/gói $\pm 5\%$

4. Thành phần trong 1 gói 2g):

STT	Mô tả	Đơn vị	Mức chất lượng
1	Bột Nhân Sâm Siberian	mg/gói	1000
2	Bột Hoàng Kỳ	mg/gói	250
3	Bột Đảng Sâm	mg/gói	150
4	Bột Bạch Truật	mg/gói	150
5	Bột Dương Quy	mg/gói	100
6	Bột Cam Thảo	mg/gói	10
7	Bột Đại Táo	mg/gói	10
8	Bột Trần Bì	mg/gói	7
9	Bột Gừng	mg/gói	7
10	Bột Mướp Tây	mg/gói	5
11	Bột Nhân Sâm Mỹ	mg/gói	5
12	Đường lactose	mg/gói	300
13	Màu caramel	mg/gói	6
TỔNG		mg/gói	2000



cGMP 藥廠

明通化學製藥股份有限公司

MIN TONG PHARMACEUTICAL CO., LTD.

TEL: 886-4-22601225, FAX: 886-4-22601382

No.120, Sec. 2, Fu-Hsin Rd., South Dist., Taichung City 402,

Taiwan, R.O.C

Số: 05/2020/CHI-FORMULA

5. Tiêu chí chất lượng sản phẩm chính:

STT	Mô tả	Đơn vị	Mức chất lượng
1	Bột Nhân Sâm Siberian	mg/gói	1000±10%
2	Bột Hoàng Kỳ	mg/gói	250±10%
3	Bột Đảng Sâm	mg/gói	150±10%
4	Bột Bạch Truật	mg/gói	150±10%
5	Bột Đương Quy	mg/gói	100±10%
6	Bột Cam Thảo	mg/gói	10±10%
7	Bột Đại Táo	mg/gói	10±10%
8	Bột Trần Bì	mg/gói	7±10%
9	Bột Gừng	mg/gói	7±10%
10	Bột Mướp Tây	mg/gói	5±10%
11	Bột Nhân Sâm Mỹ	mg/gói	5±10%

6. Giới hạn vi sinh vật

STT	Mô tả	Đơn vị	Mức tối đa
1	Sinh vật hiếu khí	CFU/g	10,000
2	Coliform	CFU/g	10
3	E.coli	CFU/g	0
4	Salmonella	CFU/25g	0
5	Tổng số nấm men	CFU/g	100

7. Kim loại

STT	Mô tả	Đơn vị	Mức tối đa
1	Chì	ppm	3
2	Cadimium	ppm	1
3	Thủy ngân	ppm	0.1



cGMP 藥廠

明通化學製藥股份有限公司

MIN TONG PHARMACEUTICAL CO., LTD.

TEL: 886-4-22601226, FAX: 886-4-22601382

No.120, Sec. 2, Fu-Hsin Rd., South Dist., Taichung City 402,
Taiwan, R.O.C

Số: 05/2020/CHI-FORMULA

8. Hướng dẫn sử dụng:

- Hòa 1 gói vào 1 cốc nước ấm. Tốt nhất là uống trước bữa ăn.

9. Khuyến cáo:

- Không sử dụng cho người mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của sản phẩm

10. Vật liệu đóng gói, qui cách đóng gói:

- Qui cách đóng gói: $2g \pm 5\%$ x 30 gói/hộp.
- Hạn sử dụng: 3 năm kể từ ngày sản xuất

11. Bảo quản: Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát.

(Đã ký và đóng dấu)

Ngày 01 tháng 08 năm 2020

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, Ngày 23 tháng 12 năm 2020 (Ngày hai mươi ba tháng mười hai năm hai nghìn không trăm hai mươi)

Tại Văn phòng công chứng Hoàng Bích Diệp; Địa chỉ: Số 22, ngõ 173 đường Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Tôi, Hoàng Thị Bích Diệp, công chứng viên Văn phòng công chứng Hoàng Bích Diệp, thành phố Hà Nội.

CHỨNG NHẬN:

- Bản dịch này do bà Phí Thị Hải Sâm, cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng công chứng Hoàng Bích Diệp, thành phố Hà Nội dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt;
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của Phí THỊ Hải Sâm;
- Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Bản dịch gồm 02 trang, lưu một bản tại Văn phòng công chứng Hoàng Bích Diệp, thành phố Hà Nội.

Số công chứng 6713 Quyển số 02/TP/CC-SCC/BD.

NGƯỜI DỊCH

Sân

Phí Thị Hải Sâm

CÔNG CHỨNG VIÊN



Hoàng Thị Bích Diệp



cGMP 藥廠

明通化學製藥股份有限公司

MIN TONG PHARMACEUTICAL CO., LTD.

TEL: 886-4-22601226, FAX: 886-4-22601382

No.120, Sec. 2, Fu-Hsin Rd., South Dist., Taichung City 402,
Taiwan, R.O.CNo.: 05/2020/CHI-FORMULA
(Page 3 of 3)**PRODUCT SPECIFICATION****1. Product: SUN ANCON CHI FORMULA FOOD SUPPLEMENT MIXTURE****2. Name and address of the Manufacture:**Min Tong Pharmaceutical Co., Ltd. 2nd FactoryAddress: No. 15, 21st Rd., Industrial Zone, Taichung, Taiwan, R.O.C**3. Product status:**

- Dosage form: dry granular.
- Color: Golden brown.
- Quantity: 2g/sachet $\pm$ 5%

4. Composition (in 1 sachet of 2g):

No.	Description	Unit	Quality level
1	Siberian Ginseng Powder	mg/sachet	1000
2	Astragali Radix Powder	mg/sachet	250
3	Condonopsis Pilosulae Radix Powder	mg/sachet	150
4	Atractylodis Macrocephalae Rhizoma Powder	mg/sachet	150
5	Angelicae Sinensis Radix Powder	mg/sachet	100
6	Glycyrrhizae Radix Powder	mg/sachet	10
7	Zizyphi Fructu Powder	mg/sachet	10
8	Citri Reticulatae Pericarpium Powder	mg/sachet	7
9	Ginger Powder	mg/sachet	7
10	Okera Powder	mg/sachet	5
11	American Ginseng Powder	mg/sachet	5
12	Lactose	mg/sachet	300
13	Caramel color	mg/sachet	6
TOTAL		mg/sachet	2000



cGMP 藥廠

明通化學製藥股份有限公司

MIN TONG PHARMACEUTICAL CO., LTD.

TEL: 886-4-22601226, FAX: 886-4-22601382

No.120, Sec. 2, Fu-Hsin Rd., South Dist., Taichung City 402,
Taiwan, R.O.C

No.: 05/2020/CHI-FORMULA

(Page 3 of 3)

5. Main product quality criteria:

No.	Description	Unit	Quality level
1	Siberian Ginseng Powder	mg/sachet	1000 $\pm$ 10%
2	Astragali Radix Powder	mg/sachet	250 $\pm$ 10%
3	Condonopsis Pilosulae Radix Powder	mg/sachet	150 $\pm$ 10%
4	Atractylodis Macrocephalae Rhizoma Powder	mg/sachet	150 $\pm$ 10%
5	Angelicae Sinensis Radix Powder	mg/sachet	100 $\pm$ 10%
6	Glycyrrhizae Radix Powder	mg/sachet	10 $\pm$ 10%
7	Zizyphi Fructu Powder	mg/sachet	10 $\pm$ 10%
8	Citri Reticulatae Pericarpium Powder	mg/sachet	7 $\pm$ 10%
9	Ginger Powder	mg/sachet	7 $\pm$ 10%
10	Okera Powder	mg/sachet	5 $\pm$ 10%
11	American ginseng Powder	mg/sachet	5 $\pm$ 10%

6. Microbiological limits:

No.	Description	Unit	Maximum level
1	Aerobic organisms:	CFU/g	10,000
2	Coliform	CFU/g	10
3	E.coli	CFU/g	0
4	Salmonella	CFU/25g	0



cGMP 藥廠

明通化學製藥股份有限公司

MIN TONG PHARMACEUTICAL CO., LTD.

TEL: 886-4-22601226, FAX: 886-4-22601382

No.120, Sec. 2, Fu-Hsin Rd., South Dist., Taichung City 402,
Taiwan, R.O.C

No.: 05/2020/CHI-FORMULA

(Page 3 of 3)

5	Total mold yeast	CFU/g	100
---	------------------	-------	-----

7. Metal

No.	Description	Unit	Maximum level
1	Lead	ppm	3
2	Cadmium	ppm	1
3	Mercury	ppm	0.1

8. Instructions for use:

- Dissolve contents of one sachet in a cup of warm water. Best taken before meal.

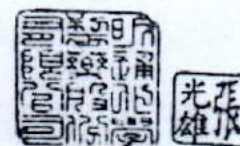
9. Warning:

- Do not use for people who are sensitive to any ingredient of the product.

10. Packaging materials, packing specifications:

- Packing specification: $2g \pm 5\%$ x 30 sachets/box.
- Shelf life: 3 years from the date of manufacture

11. Storage: Store in a cool, dry place.



August 01, 2020

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0309634315

Đăng ký lần đầu: ngày 16 tháng 11 năm 2009

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 13 tháng 01 năm 2016

Được cấp đổi nội dung đăng ký kinh doanh từ Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số 411043001163 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 14/02/2015

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HUNG ĐIỀN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: RICH LAND COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 345/2, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0862958954

Fax: 086295895

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 3.500.000.000 đồng

Bằng chữ: Ba tỷ năm trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: BEAUTY SURPLUS ENTERPRISE CORPORATION., LTD

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: NBD/9581

Do: Brunei Darussalam

Cấp ngày:

30/01/2008

Địa chỉ trụ sở chính: Rm 51, 5th Floor, Britannia House, Jalan Cator, Bandar Seri Begawan BS 8811, Bru này

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PAN, WEN – LING

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 22/08/1969

Dân tộc: Quốc tịch:

Trung Quốc

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: 200678029

Ngày cấp: 25/04/2003

Nơi cấp: Trung Quốc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 7F, No.67, Sec1, Zhongshan Rd, Sinjhuang City, Taipei County 24250, ĐÀI LOAN

Chỗ ở hiện tại: 7F, No.67, Sec1, Zhongshan Rd, Sinjhuang City, Taipei County 24250, ĐÀI LOAN

TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Cù Thành Đức

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.
Số CT...0...4...5...6...3...1...Quản...9...SCT/BS

Ngày: 17-09-2020

CÔNG CHỨNG VIÊN



Nguyễn Thị Thanh